TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **517**/2022/HNGĐ-ST;
Ngày: 22/9/2022.
V/v tranh chấp"Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thủy Uyên;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Bé Ba;

2. Bà Lê Thị Ngọc Ánh;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Dương Kim Cương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Nguyện - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 286/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022 về việc "Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 190/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 189/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Lê Thanh D, sinh năm 1989;

Địa chỉ: ấp 2, xã TL 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh Phạm Thanh T, sinh năm 1985;

Địa chỉ: ấp PK A, xã PK, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

(*Chị D có đơn đề nghị vắng mặt, anh T vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn và các lời trình bày tại tòa, nguyên đơn chị Huỳnh Lê Thanh D trình bày:*

- Về tình cảm: Chị và anh Phạm Thanh T cưới nhau năm 2007, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo. Anh chị sống chung nhưng thường xuyên cải vả do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung, đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc và không thể hàn gắn lại được. Vợ chồng không sống

chung từ 15 năm. Nay không còn tình cảm nên chị xin ly hôn với anh Phạm Thanh T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Huỳnh Thùy T2, sinh ngày 21/10/2007 hiện đang sống với chị D. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu T2, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Phạm Thanh T mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung, yêu cầu của chị Huỳnh Lê Thanh D về việc xin ly hôn và nuôi con chung là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Huỳnh Lê Thanh D yêu cầu ly hôn với anh Phạm Thanh T nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Phạm Thanh T cư trú tại ấp PK A, xã PK, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn chị D có đơn đề nghị vắng mặt ngày 10/8/2022 nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị D.

Bị đơn anh Phạm Thanh T đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh T.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Lê Thanh D, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Chị D và anh T cưới nhau năm 2007, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 19/7/2007 tại Ủy ban nhân dân xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Chị D xin ly hôn với anh T với lý do thường xuyên cải vả do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng không có tiếng nói

chung, đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên anh chị không còn sống chung khoảng 15 năm. Tòa án đã triệu tập anh T nhiều lần để tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng anh T vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn của chị D, cho thấy anh T không có thành ý cứu vãn cuộc hôn nhân giữa hai người. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh T đã trầm trọng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị D là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình..

[3.2] Về con chung: Xét yêu cầu của chị D về việc được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Huỳnh Thùy T2, sinh ngày 21/10/2007 là có cơ sở, bởi lẽ cháu T2 đang sống với chị D đã ổn định về chỗ ở, về điều kiện sinh hoạt, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu T2 muốn được sống với chị D. Phía anh T không có văn bản trình bày ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung và vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D, quyết định giao cháu T2 cho chị D nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không có yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Chị D khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Chị D khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[6] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Lê Thanh D.

Về hôn nhân: Chị Huỳnh Lê Thanh D được ly hôn với anh Phạm Thanh T.

Về con chung: Giao cho chị Huỳnh Lê Thanh D được trực tiếp nuôi dưỡng một con chung tên Phạm Huỳnh Thùy T2, sinh ngày 21/10/2007 cho đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi.

Anh Phạm Thanh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Trường hợp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị D không yêu cầu.

Về án phí: Chị Huỳnh Lê Thanh D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0024885 ngày 22/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, nên xem như chị D đã nộp xong.

Báo nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- CQ thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thủy Uyên